

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-ST

Ngày: 21 - 4- 2025

V/v tranh chấp “hợp đồng mua bán
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong

2. Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 454/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/QĐST – DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; địa chỉ: số 39/3 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T: Bà Đào Hồng V, sinh năm: 1966, địa chỉ: 88/3 ấp AB, xã AT, huyện T, tỉnh T (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1966, bà Thái Thị L, sinh năm: 1965, ông Huỳnh Vũ L1, sinh năm 1992; cùng địa chỉ: 3/5 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh T (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T – bà Đào Hồng Vân trình bày:

Từ năm 2018 đến tháng 11 năm 2023, gia đình ông Huỳnh Văn Đ bà Thái Thị L và anh Huỳnh Vũ L1 (anh L1 là con trai của bà L và ông Đ) có đến mua thuốc thủy sản, vật tư và thức ăn nuôi tôm tại Đại lý T do bà Nguyễn Thị Ngọc T làm chủ

để về nuôi tôm công nghiệp. Khi mua bán giữa bà T và ông Đ, bà L chỉ thỏa thuận bằng lời nói là cuối mỗi vụ nuôi tôm thì gia đình ông Đ, bà L phải có nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên do quá trình mua bán diễn ra trong khoảng thời gian dài gia đình ông Đ, bà L và anh L1 cứ mua rồi trả tiền cho bà T nhưng trả không đầy đủ, cuối mỗi vụ nuôi tôm thì không trả hết nợ và đều có nợ lại tiền.

Tính đến ngày 20/11/2022 thì số tiền ông Đ, bà L nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc và vật tư thủy sản là 1.198.545.000 đồng, ông Đ có ký tên xác nhận nợ. Năm 2023 hai bên có tiếp tục mua bán nên ông Đ, bà L nợ thêm số tiền 136.444.000 đồng. Vì vậy đến ngày 15/11/2023 bà T có tổng kết số tiền ông Đ, bà L còn nợ bà là 1.334.989.000 đồng, bà L có ký tên xác nhận nợ. Từ ngày 15/11/2023 hai bên ngừng giao dịch, mặc dù bà T nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà L và anh L1 trả tiền nhưng những người trong gia đình ông Đ không có thiện chí trả nợ. Ông Đ, bà L là vợ chồng hợp pháp, cùng mua thức ăn nuôi tôm, thuốc và vật tư thủy sản để nuôi tôm công nghiệp nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của vợ chồng nên ông Đ, bà L phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà T.

Nay bà T yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn Đ, bà Thái Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tổng số tiền nợ là 1.334.989.000 đồng. Đồng thời bà T yêu cầu ông Đ và bà L phải trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 15/10/2024) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Đồng bà T cũng xin tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Huỳnh Vũ L1, không yêu cầu anh L1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đ, bà L trả cho bà T số tiền 1.334.989.000 đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Thái Thị L, anh Huỳnh Vũ L1 cùng vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Thái Thị L, anh Huỳnh Vũ L1 trả tiền mua thuốc, vật tư thủy sản và thức ăn nuôi tôm nên xác định đây là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Thái Thị L, anh Huỳnh Vũ L1 cư trú tại

xã M, huyện T, tỉnh T nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[3] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Đào Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Thái Thị L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã mua thuốc, vật tư thủy sản, thức ăn nuôi tôm còn nợ là 1.334.989.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện bà T có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: bản chính Hóa đơn đề ngày 20/11/2022 và Hóa đơn ngày 15/11/2023 làm căn cứ xác định giữa bà T và ông Đ, bà L có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán thuốc, vật tư thủy sản, thức ăn nuôi tôm, thuốc, vật tư thủy sản và xác định số tiền bị đơn ông Đ, bà L còn nợ bà T là 1.334.989.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới của ông Đ và bà L, trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có cung cấp 01 bản sao trích lục kết hôn giữa ông Đ, bà L kết hôn năm 2019, để chứng minh quan hệ hôn nhân hợp pháp của giữa ông Đ, bà L và hiện nay vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân này. Bà T cho rằng ông Đ, bà L cùng mua thức ăn nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế chung của vợ chồng ông Đ, bà L. Mặt khác các nội dung về số tiền mua thuốc, vật tư thủy sản và thức ăn nuôi tôm mà bà T khởi kiện, yêu cầu về trách nhiệm liên đới của ông Đ, bà L thì ông Đ, bà L đều không có ý kiến phản đối.

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn ông Đ, bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn ông Đ, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đối với bị đơn ông Đ, bà L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt họp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập họp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng các bị đơn ông Đ, bà L vẫn vắng mặt,

không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị đơn ông Đ và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc là 1.334.989.000 đồng và 66.851.798 đồng tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp. Tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 15/10/2024 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 21/4/2025 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án), cụ thể như sau: $1.334.989.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 66.851.798 \text{ đồng}$.

[6] Đối với việc nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn anh Huỳnh Vũ L1, xét đây là sự tự nguyện nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244; các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu bị đơn anh Huỳnh Vũ L1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Huỳnh Văn Đ và bà Thái Thị L trả số tiền 1.334.989.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Huỳnh Văn Đ và bà Thái Thị L. Buộc ông Huỳnh Văn Đ và bà Thái Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 1.401.840.798 đồng, gồm: nợ gốc 1.334.989.000 đồng và tiền lãi 66.851.798 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Huỳnh Văn Đ và bà Thái Thị L có nghĩa vụ liên đới chịu 54.055.224 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.048.000 đồng theo biên lai thu số 0003616 ngày 14/10/2024.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung